

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 197/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thái Chân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hồng D

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C.

Địa chỉ: số 169, đường L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Hồng D trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 20/5/2004. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến và quan

điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Chí H (giới tính: Nam), sinh ngày 30/10/2004 và Nguyễn Thị Phương T2 (giới tính: Nữ), sinh ngày: 02/10/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C số tiền 10.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi nợ chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, bà có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia nợ chung.

Từ khi Tòa án thụ lý đến khi giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về con chung, bà đồng ý giao cháu Nguyễn Chí H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con; ông Nguyễn Minh T và Ngân hàng C vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Phạm Hồng D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Minh T, được quyền nuôi con chung và chia nợ chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia nợ chung theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn ông Nguyễn Minh T cư trú tại khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về xét xử vắng mặt:* Bị đơn ông Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh T và Ngân hàng C.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Hồng D và ông Nguyễn Minh T đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2004. Do đó, hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp. Bà D yêu cầu ly hôn với ông T là do vợ chồng bất đồng ý kiến và quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột và cãi vã. Vì vậy, bà D cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, ông T vẫn bỏ mặc và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Điều đó, chứng tỏ tình cảm của ông T đối với bà D cũng không còn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà D và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, cho bà D ly hôn với ông T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà D và ông T có 02 con chung là Nguyễn Chí H (giới tính: Nam), sinh ngày 30/10/2004 và Nguyễn Thị Phương T2 (giới tính: Nữ), sinh ngày: 02/10/2014. Hiện tại, các con vẫn đang sống chung với vợ chồng ông bà. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Thảo có nguyện vọng được sống chung với mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và cháu Hiếu có nguyện vọng được sống chung với cha, được cha chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Nguyễn Thị Phương T2 cho bà Phạm Hồng D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Chí H cho ông Nguyễn Minh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi của các cháu và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về cấp dưỡng*: Do bà D và ông T chưa có yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[7] *Về tài sản chung*: Bà D trình bày không có và cũng không yêu cầu, ông T chưa có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D có đơn rút lại yêu cầu chia nợ chung, xét thấy, việc rút lại yêu cầu là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia nợ chung theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, bà D thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 53, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hồng D được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Phương T2 (giới tính: Nữ), sinh ngày: 02/10/2014 cho bà Phạm Hồng D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Chí H (giới tính: Nam), sinh ngày 30/10/2004 cho ông Nguyễn Minh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh T và bà Phạm Hồng D chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự chưa có yêu cầu. Ông Nguyễn Minh T và bà Phạm Hồng D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về nợ chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia nợ chung của nguyên đơn. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về **nợ chung** theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Bà Phạm Hồng D được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Phạm Hồng D đã nộp theo biên lai số 0001030 ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường B, thành phố Vị Thanh;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải

Phạm Kim Ngọc

Huỳnh Xuân Tình